

41

Chi tiết tại biểu 2

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ				4		2.097.776	1.142.024	382.489	210.724	730.947	556.845	135.855	135.855	20.803	20.803	135.855	135.855		
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ				-		58.736	46.236	44.796	29.404	16.832	16.832	8.699	8.699	778	778	8.699	8.699		
I	NGUỒN VỐN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN CHUYÊN VỀ						58.736	46.236	44.796	29.404	16.832	16.832	8.699	8.699	778	778	8.699	8.699		Chi tiết tại biểu 3
B	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT				4		2.039.040	1.095.788	337.693	181.320	714.115	540.013	127.156	127.156	20.025	20.025	127.156	127.156		
I	Giao thông				3		980.700	650.525	307.593	151.220	673.107	499.005	109.622	109.622	20.000	10.000	99.622	99.622		
(2)	Dự án chuyển tiếp				3		980.700	650.525	307.593	151.220	673.107	499.005	109.622	109.622	20.000	10.000	99.622	99.622		
1	Dự án Đường Lũng Vài - Bình Độ -Tân Minh đoạn từ Km12 - Km20	C	xã Kháng Chiến	7,5km	2024-2026	2196/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	40.720	40.720	15.920	15.920	24.800	24.800	24.800	24.800	8.000		16.800	16.800	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	
2	Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và khu TĐC, DC thị trấn Bình Gia	B	xã Bình Gia, Hồng Phong	21,9 km cấp VI miền núi	2023-2026	46/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	249.667	169.742	115.225	35.300	134.442	134.442	19.667	19.667		10.000	29.667	29.667	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	B	phường Đồng Kinh		2023-2026	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	690.313	440.063	176.448	100.000	513.865	339.763	65.155	65.155	12.000		53.155	53.155	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Giám theo tiến độ thực tế
II	Công trình công cộng tại các đô thị				1		51.618	51.618	30.100	30.100	41.008	41.008	17.364	17.364	-	10.000	27.364	27.364		
(2)	Dự án chuyển tiếp				1		51.618	51.618	30.100	30.100	41.008	41.008	17.364	17.364	-	10.000	27.364	27.364		
	Nhóm công trình ưu tiên số 1				1		51.618	51.618	30.100	30.100	41.008	41.008	17.364	17.364	-	10.000	27.364	27.364		
1	Công viên bờ sông Kỳ Cùng (đoạn từ Khách sạn Đồng Kinh đến Đền Kỳ Cùng) và bãi đỗ xe công cộng phường Lương Văn Tri	C	phường Đồng Kinh		2025-2027	2084/QĐ-UBND ngày 23/9/2025; 2292/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	51.618	51.618	30.100	30.100	41.008	41.008	17.364	17.364		10.000	27.364	27.364	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đề xuất bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật						1.006.722	393.645	-	-	-	-	170	170	25	25	170	170		
b	Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường đến trung tâm xã sau sắp xếp						1.006.722	393.645	-	-			170	170	25	25	170	170		Chi tiết tại biểu 2

[illegible]

BIỂU 2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1631 /QĐ-UBND ngày 04 /9/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí CBDT		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, nhiệm vụ đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư đã phê duyệt			Điều chỉnh						Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư sau điều chỉnh			Cơ quan chuẩn bị đầu tư/ giao kế hoạch vốn	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm	Giá trị dự toán	Số quyết định ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:		Giảm	Trong đó:		Tăng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
							Tổng số	Trong đó				Từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	Từ nguồn thu sử dụng đất		Từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	Từ nguồn thu sử dụng đất		Từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	Từ nguồn thu sử dụng đất					
								Ngân sách địa phương	Ngân sách trung ương															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	18=19+20	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG CỘNG		5		199		237.395	237.395	-	-	170	-	170	25	-	25	25	-	25	170	-	170	-	
B	DỰ ÁN KHÁC		5		199	-	237.395	237.395	-	-	170	-	170	25	-	25	25	-	25	170	-	170		
XV	Hỗ trợ các chương trình, dự án khác		5		199		237.395	237.395	-	-	170	-	170	25	-	25	25	-	25	170	-	170		
b	Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường đến trung tâm xã sau sắp xếp		5		199		237.395	237.395	-	-	170	-	170	25	-	25	25	-	25	170	-	170		Nguồn đối ứng tại biểu 1
1	Sửa chữa nền mặt đường, hệ thống thoát nước tuyến đường Tổng Nọt - Y Tịch (ĐH.88) đoạn từ Km0+00 - Km12+800, xã Vạn Linh	xã Vạn Linh	2026-2028	1151/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	56	810/QĐ-UBND ngày 06/5/2026	48.927	48.927			50	-	50	20		20				30	-	30	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Cải tạo, sửa chữa Đường Khánh Long - Vinh Tiến, xã Đoàn Kết, tỉnh Lạng Sơn	xã Đoàn Kết	2026-2028	836/QĐ-BQLDA ngày 05/12/2025	49	816/QĐ-UBND ngày 07/5/2026	63.583	63.583			30	-	30	-			20		20	50	-	50	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước ĐT.232 đoạn Km0-Km2+200, Km4+900 - Km15, xã Diêm He		2027-2029	939/QĐ-BQLDA ngày 26/12/2025	35	114/TB-HĐTD ngày 14/4/2026; 256/TTr-BQLDA ngày 22/01/2026	40.875	40.875			30	-	30	-			5		5	35	-	35	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Sửa chữa hệ thống nền, mặt đường và hệ thống thoát nước, an toàn giao thông tuyến đường ĐH.01 (Trung Thành - Tân Minh), xã Kháng Chiến	xã Kháng Chiến	2028-2030	837/QĐ-BQLDA ngày 05/12/2025	32	52/TB-HĐTD ngày 24/2/2026; 286/TTr-BQLDA ngày 23/01/2026	43.380	43.380			32	-	32	2		2				30	-	30	UBND xã Kháng Chiến (tiếp nhận từ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh)	Chuyển UBND xã quyết định đầu tư, nguồn vốn do Ngân sách tỉnh hỗ trợ
5	Xây dựng cầu Nà Pàng 1 lý trình Km7+050 và Nà Pàng 2 lý trình Km7+580 trên đường huyện ĐH.05 (Xe Lán - Bán Ca), xã Thất Khê	xã Thất Khê	2028-2030	858/QĐ-BQLDA ngày 12/12/2025	28	65/TB-HĐTD ngày 02/3/2026; 288/TTr-BQLDA ngày 23/01/2026	40.630	40.630			28	-	28	3		3				25	-	25	UBND xã Thất Khê (tiếp nhận từ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh)	Chuyển UBND xã quyết định đầu tư, nguồn vốn do Ngân sách tỉnh hỗ trợ

BIỂU 3

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYÊN VỀ

(Kèm theo Quyết định số 1631 /QĐ-UBND ngày 04 /9/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư													
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ		4				58.736	46.236	44.796	29.404	16.832	16.832	8.699	8.699	778	778	8.699	8.699		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		3				35.578	35.578	23.200	23.200	12.378	12.378	8.210	8.210	778	754	8.234	8.234		
(2)	Dự án chuyển tiếp		3				35.578	35.578	23.200	23.200	12.378	12.378	8.210	8.210	778	754	8.234	8.234		
1	Trường Tiểu học xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng				2024-2026	2374/QĐ-UBND, 10/6/2024	12.500	12.500	6.500	6.500	6.000	6.000	4.000	4.000	778		4.778	4.778	UBND xã Hữu Lũng	
2	Trường THCS 1 xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng				2024-2026	7343/QĐ-UBND, 16/10/2024	5.838	5.838	3.500	3.500	2.338	2.338	1.300	1.300		175	1.125	1.125	UBND xã Hữu Lũng	
3	Trường Tiểu học 1 xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng				2024-2026	7239/QĐ-UBND, 08/10/2024	17.240	17.240	13.200	13.200	4.040	4.040	2.910	2.910		579	2.331	2.331	UBND xã Hữu Lũng	
II	Y tế, dân số và gia đình		1				23.158	10.658	21.596	6.204	4.454	4.454	489	489	-	24	465	465		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				23.158	10.658	21.596	6.204	4.454	4.454	489	489	-	24	465	465		
1	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bắc Sơn				2023-2024	1726/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	23.158	10.658	21.596	6.204	4.454	4.454	489	489		24	465	465	UBND xã Bắc Sơn	